PHỤ LỤC 6

KÊ KHAI TRÊN C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2010/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 25 tháng 01 năm 2010 thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào)

C/O phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy (trừ trường hợp hướng dẫn ở khoản 15 dưới đây). Nội dung khai phải phù hợp với các chứng từ quy định tại Điều 5 và Điều 6 của thông tư. Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô số 1: tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên quốc gia xuất khẩu (Việt Nam).

2. Ô số 2: Tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước.

3. Ô trên cứng bên phải ghi số tham chiếu (do Tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên viết tắt nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm hai (02) ký tự là "VN";

b) Nhóm 2: tên viết tắt của nước thành viên nhập khẩu, gồm hai (02) ký tự là "LA"

c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2009 sẽ ghi là "09"'

d) Nhóm 4: tên Tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh sách các Tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục 10. Danh sách này được Bộ Công Thương cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi về các Tổ chức cấp C/O;

đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang "-". Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo "/".

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vục thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Lào trong năm 2009 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này sẽ là: VN-LA09/020006.

4. Ô số 3: ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh "By air", nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu) và tên cảng dỡ hàng.

5. Ô số 4: cơ quan Hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu √ vào ô thích hợp.

6. Ô số 5: số thứ tự các mặt hàng (nhiều mặt hàng ghi trên 1 C/O, mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng).

7. Ô số 6: ký hiệu và số hiệu của kiện hàng.

8. Ô số 7: số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm mã HS của nước nhập khẩu ở cấp 6 số và tên thương hiệu hàng (nếu có)).

9. Ô số 8: ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại nước ghi đầu tiên ở ô số 11 của C/O: Điền vào ô số 8

a) Hàng hoá có xuất xứ thuần tuý hoặc được sản xuất toàn bộ tại nước xuất khẩu theo Điều 3 của Phụ lục 1 WO

b) Hàng hóa đáp ứng điểm a và điểm b Điều 4 Phụ lục 1

- Hàm lượng giá trị khu vực Phần trăm hàm lượng giá trị khu vực ví dụ: LVC (40%)

- Chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp 4 số CTH

c) Hàng hóa đáp ứng khoản 2 Điều 6 của Phụ lục 1 "PC x%", trong đó "x" là tỉ lệ phần trăm của hàm lượng giá trị khu vực Việt Nam - Lào nhỏ hơn 40%, ví dụ "PC 25%"

10. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc đơn vị đo lường khác) và trị giá FOB.

11. Ô số 10: số và ngày của hoá đơn thương mại được cấp cho lô hàng nhập khẩu vào nước nhập khẩu.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất. ghi tên nước xuất khẩu.

- Dòng thứ hai ghi tên nước nhập khẩu.

- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O và tên công ty đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: dành cho cán bộ Tổ chức cấp C/O ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký của cán bộ cấp C/O, con dấu của Tổ chức cấp C/O.

Trường hợp cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, dòng chữ "CERTIFIED TRUE COPY" và ngày cấp bản sao này được đánh máy hoặc đóng dấu lên ô số 12 của C/O theo quy định tại Điều 11 của Phụ lục 4.

14. Ô số 13:

- Đánh dấu √ vào ô "Third-country Invoicing" trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi một công ty có trụ sở tại một nước thứ ba hoặc không phải là nước thành viên hoặc bởi một nhà xuất khẩu Việt Nam hay Lào đại diện cho công ty đó theo quy định tại Điều 22 của Phụ lục 4. Các thông tin như tên và nước của công ty phát hành hóa đơn nêu trên cần ghi vào ô số 7.

- Đánh dấu √ vào ô "Issued Retroactively" trong trường hợp do sai sót không cố ý hoặc có lý do xác đáng khác theo khoản 2 Điều 10 của Phụ lục 4;

- Đánh dấu √ vào ô "Accumulation" trong trường hợp hàng hoá có xuất xứ của một nước thành viên được sử dụng làm nguyên liệu tại lãnh thổ của nước thành viên kia để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh như quy định tại Điều 6 của Phụ lục 1.

- Đánh dấu √ vào ô "Partial Accumulation" trong trường hợp hàm lượng giá trị khu vực của nguyên liệu nhỏ hơn 40% và C/O được cấp nhằm mục đích cộng gộp theo khoản 2 Điều 6 của Phụ lục 1.

- Đánh dấu √ vào ô "De Minimis" nếu hàng hóa phải áp dụng Điều 9 của Phụ lục 1.

15. Các hướng dẫn khác:

- Trong trường hợp có nhiều mặt hàng khai trên cùng một C/O, nếu mặt hàng nào không được hưởng ưu đãi thuế quan, cơ quan Hải quan đánh dấu thích hợp vào ô số 4 và mặt hàng đó cần được khoanh tròn hoặc đánh dấu thích hợp tại ô số 5.

- Ô số 13 có thể được đánh dấu √ bằng tay hoặc in bằng máy vi tính./.